

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày: 02/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Thu Ngà – Hưu trí tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Ông Đinh Thế Hiển – Bí thư huyện đoàn Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Toà án Minh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá: bà Đinh Thị Hoài Thanh
- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án TAND huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HS ngày 05/7/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST- HS, ngày 21/7/2023, đối với các bị cáo:

1. Đinh Công L; sinh ngày: 26/9/1993 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn *, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Công S (không rõ năm sinh) và bà: Tống Thị L, sinh năm 1965; vợ: Lê Thị Q, sinh năm 1998; con: 02 đứa, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: ngày 26/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 35.000.000 đồng về hành vi “đánh bạc” tại bản án số 71/2021/HS-ST; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ từ ngày 06/12/2022 đến 09/12/2022 thì

chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Minh Hóa; có mặt.

2. Nguyễn Văn T; sinh ngày: 18/3/1990 tại xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: đội *, thôn G, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 và bà: Trần Thị M, sinh năm 1969; vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; con: 02 đứa, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ từ ngày 06/12/2022 đến 09/12/2022 thì chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Minh Hóa; có mặt.

3. Thái Xuân C; sinh ngày: 27/02/1997, tại xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thái Văn T, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; vợ: Đinh Thị Tr, sinh năm 1997; con: 01 đứa sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2022 đến 25/11/2022 thì chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Minh Hóa; có mặt.

4. Cao Xuân Đ; sinh ngày: 15/3/1997, tại xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Xuân Đ, sinh năm 1969 và bà: Đinh Thị Hải L, sinh năm 1970; vợ: Đinh Thị Ái V, sinh năm 2004; con: 01 đứa sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: ngày 15/6/2022, có hành vi đánh bạc bị Công an huyện Minh Hóa xử phạt 1.500.000 đồng; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến 26/11/2022 thì chuyển tạm giam, hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Minh Hóa; có mặt.

5. Trần Xuân C; sinh ngày: 13/01/2005, tại xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn *, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân T, sinh năm 1973 và bà: Lê Thị H, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/04/2023 cho đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Minh T; sinh ngày: 20/10/2005, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 01 tháng 05 ngày, tại xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1984; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/04/2023 cho đến nay; có mặt.

7. Đinh Thị Đ; sinh ngày: 16/8/1970 tại xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh M (đã chết) và bà: Đinh Thị V (đã chết); chồng: Đinh Xuân N, sinh năm 1967, con: 03 đứa, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/04/2023 cho đến nay; có mặt.

Đối với bị cáo Trần Xuân C và Nguyễn Minh T vừa là bị cáo, vừa là bị hại trong vụ án.

Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn L; sinh năm 1985; địa chỉ: ấp *, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

2. Chị Trương Thị Kim T; sinh năm 1999; địa chỉ: ấp *, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

3. Cháu Lê Đức T; sinh năm 2006; địa chỉ: thôn *, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: bà Lê Thị D; sinh năm 1952; địa chỉ: thôn *, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

4. Chị Trần Thị Thu H; sinh năm 2000; địa chỉ: khu phố *, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Mai H; sinh năm 2001; địa chỉ: thôn *, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

6. ông Trần Xuân T; sinh năm 1973; địa chỉ: thôn *, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Minh T: bà Lê Thị Thanh B; sinh năm 1980; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Minh T: bà Nguyễn Thị Hương Thủy – trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 15/11/2022, Nguyễn Văn T và Đinh Công Lĩnh đến chơi nhà Thái Văn C ở thôn P, xã T, huyện M. L hỏi C tìm người để đánh bạc ăn tiền. C gọi điện thoại cho Cao Xuân Đ ở thôn T, xã T, huyện M, nhờ Đ tìm người để đánh bạc với L. Sau đó, Đ liên lạc với Trần Xuân C ở thôn *, xã X, huyện B hẹn C đến xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa để đánh bạc thì C đồng ý. C chuẩn bị bộ bài Tu lơ khơ và rủ Nguyễn Minh T ở thôn P, xã P, huyện B và Lê Đức T ở thôn *, xã X, huyện B đi cùng. Khoảng 18 giờ cùng ngày Đinh Công L, Cao Xuân Đ, Trần Xuân C, Nguyễn Minh T và Lê Đức T đến tại nhà nghỉ “Đức Hiền” của bà Đinh Thị Đ ở thôn B, xã T, huyện M thuê phòng để đánh bạc thì bà Đ không cho. Lúc này Đ nói: “cho bọn cháu đánh một tí, bọn cháu thu tiền xâu đưa cho” thì bà Đ đồng ý và dẫn tất cả số người trên vào phòng ngủ của gia đình. L, Đ, C, T tiến hành đánh bạc tại giường trong phòng ngủ của nhà bà Đ. (*T ngồi xem không đánh*). Trần Xuân C mang theo 10.000.000 đồng nhưng sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Minh T sử dụng số tiền 7.000.000 đồng để đánh bạc, Cao Xuân Đ sử dụng số tiền 2.700.000 đồng để đánh bạc, Đinh Công L sử dụng số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” thắng - thua bằng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mỗi ván bài quy định tiền cược thấp nhất là 20.000 đồng và khi “tố” thì số tiền từng người không hạn chế.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” được quy ước như sau: Lĩnh, Đảo, Cường, Tiến sử dụng 01 bộ bài Tú lơ khơ có 52 lá bài, sau đó xáo trộn các lá bài. Sau khi xáo trộn xong thì trước khi bắt đầu chia bài, tất cả người chơi trong bàn cần phải bỏ ra một số tiền bằng nhau, quy ước gọi là tiền “mậu”. Bắt đầu ván bài, mỗi người chơi sẽ được chia 3 lá bài. Sau đó người chơi sẽ có các lựa chọn như sau: “Úp bài” (bỏ bài): Nếu thấy bài của mình không thể thắng, người chơi có thể chọn úp bài. Nếu “úp bài” người chơi sẽ bị mất đi số tiền cược ban đầu và kết thúc ván bài tại đó. “Theo” đặt tiền cược đúng bằng số tiền của người ở cửa trên đặt. “Tố” đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền của những người cửa trên đã đặt. Sau khi mọi người đặt tiền cược, người nào có điểm cao nhất sẽ là người thắng cuộc.

Cách tính điểm đánh bạc bằng hình thức “Liêng” theo thứ tự từ lớn đến bé như sau: “Sáp” là bộ bài có ba lá giống nhau, nếu như người chơi đều có “Sáp” thì tính ai có “Sáp” cao hơn sẽ thắng; “Liêng” là bộ bài có ba lá liên tiếp nhau, khi hai người cùng có “Liêng” thì ai “Liêng” cao hơn sẽ thắng. Trong trường hợp “Liêng” giống nhau thì phân thắng thua bằng lá bài có chất cao nhất theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là Cơ, Rô, Tép, Bích; “Ảnh” là bộ bài có cả ba lá bài đều là Tây (đầu người J, Q, K). Nếu cả hai người đều có “Ảnh” thì so sánh chất cao nhất trong bài; “Điểm” là cách tính nếu bài không có “Sáp”, “Liêng”, “Ảnh”. Lấy tổng số điểm của ba lá cộng lại, số dư sau khi cộng điểm sẽ là điểm của người chơi. Điểm của các lá bài 10, J, Q,

K đều tính là 0 điểm, tính điểm cao nhất là 9 điểm, nếu cùng điểm thì so sánh lá bài có chất cao nhất. Ai thắng là người cầm cái ván tiếp theo.

Quá trình các đối tượng đánh bạc khoảng 30 phút, không rõ số tiền thắng thua bao nhiêu vì các đối tượng không kiểm đếm tiền thì Đinh Công L nghi ngờ C gian lận (đánh bạc "bịp") nên gọi điện thoại cho Thái Xuân C và Nguyễn Văn T đến để kiểm tra và đe dọa C và T. Khi C, T đến gặp Cao Xuân Đ (Đ ra ngoài đi vệ sinh), T nói với Đ: *"Bọn này đánh bạc bịp vào lấy tiền lại"*, Đ đồng ý rồi cả ba cùng vào để lấy tiền của C, T. Khi T, C và Đ đi vào thì T nói với C và T: *"Bọn mày đánh bạc bịp à"*. L nói C cầm kính áp tròng để kiểm tra nhưng C không biết kiểm tra nên C đưa lại cho L để kiểm tra. T nói *"Bọn mày bịp ai, bọn mày tháo kính áp tròng ra"*. C tháo kính "áp tròng" ra thì T tiếp tục nói *"giờ bọn mày muốn giải quyết tình cảm thì mỗi thằng đưa 50.000.000 đồng"* nhưng C, T nói *"bọn em học sinh không có tiền"* thì T đe dọa: *"Bọn mày không đưa tiền thì bọn mày xác định để 01 ngón tay lại, nếu không có tiền bọn anh sẽ trói về Đồng Hới về công ty của bọn anh thì người nhà đến chuộc 500.000.000 đồng cũng không được"*. Sau đó T nói với C, T: *"bây giờ trong người được bao nhiêu tiền đưa ra đây hết"*. Sau đó T nói với Đ lấy tiền từ các vị trí đánh bạc và trong người T và C. Cao Xuân Đ lấy hết tất cả số tiền đếm tiền được 23.700.000 đồng (sau đó Đ trừ ra số tiền Lĩnh: 4.000.000 đồng và Đ: 2.700.000 đồng và nói được 17.000.000 đồng). T tiếp tục nói *"nếu không có tiền có đồ đạc gì trong người thì đưa ra hết"*. Lúc này, T đang cầm điện thoại Iphone 11 promax màu trắng trên tay thì C lấy điện thoại của T. C để điện thoại trong túi quần, T nói C đưa điện thoại ra nhưng C không đồng ý nên L, T lao vào túm tóc C, T dùng tay đánh hai phát vào đầu của C. T nói với C *"móc điện thoại trong túi quần của hắn ra"* thì C lại móc trong túi quần của C ra 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh, đồng thời C nói C thoát tài khoản Icloud của máy điện thoại nhưng C không đồng ý, C tiếp tục đe dọa *"Đưa ra ngoài đường rồi đánh"*, đồng thời ép C phải thoát tài khoản Icloud và thách thức: *"Nếu bọn mày quen biết ai ở đây thì cứ gọi"*, Tr nói thêm: *"Không làm gì được bọn tao đâu"*, nghe T và C nói vậy thì C sợ bị đánh nên quỳ xuống van xin nhưng T, L, C không đồng ý. Sau đó sợ bị đánh nên C thoát tài khoản Icloud trong điện thoại và đưa cho C. Cùng lúc đó có bà Đinh Thị Đ nghe tiếng ồn ào nên vào xem. T nói Đ đưa cho bà chủ nhà nghỉ Đinh Thị Đ số tiền 1.000.000 đồng, đưa cho T số tiền 500.000 đồng tiền xăng xe đi về (Đ lấy tiền trong tổng số 23.700.000 đồng). T nói ngày mai (ngày 16/11/2022) C và T mỗi người đưa 15.000.000 đồng để chuộc điện thoại và đưa số điện thoại của C để C và T liên lạc đưa tiền. Sau đó C, T, T đi về nhà. T, L, Đ, C về nhà nghỉ Phố Núi ở thôn Bình Minh, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa. Về nhà nghỉ T đưa lại cho L 4.000.000 đồng, Đ 2.700.000 đồng, và T cho thêm Đ 700.000 đồng, số tiền còn lại 14.800.000 thì L và T cầm tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 16/11/2022, L, T, C, Đ tiếp tục gọi điện đe dọa C đưa số tiền 30.000.000 đồng để chuộc điện thoại. Do lo sợ gia đình và nhà trường biết việc nên C và T đã chuẩn bị số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó, C gọi cho Thái Xuân C để đưa số tiền 30.000.000 đồng tại nhà của C.

Vào lúc 18 giờ 00 phút ngày 16 tháng 11 năm 2022, khi C đang giao số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho Thái Xuân C thì tổ công tác Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về Hình Sự - Kinh tế - Ma túy Công an huyện Minh Hóa phối hợp Công an xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình bắt quả tang.

Sau khi gây án Nguyễn Văn T, Đinh Công L cầm theo 02 chiếc điện thoại di động rồi bỏ trốn vào các tỉnh phía nam. Sau đó, Đinh Công L đã bán chiếc điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh cho anh Nguyễn Văn L và Trương Thị Kim T cùng trú tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai với giá 20.000.000 đồng. T và L chia nhau mỗi người 10.000.000 đồng, còn chiếc điện thoại Iphone 11 promax màu trắng L dùng sử dụng cá nhân. Ngày 06/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa phối hợp với Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai tiến hành bắt người đang bị truy nã đối với Đinh Công L và Nguyễn Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29/KLĐG-HĐĐGTS ngày 09/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Minh Hóa, kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 11 Promax 64 Gigabyte (GB) màu trắng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị: 18.392.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 13 Promax 128 Gigabyte (GB) màu xanh, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị: 28.500. 000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L, T, C, Đ, Trần Xuân C, Nguyễn Văn T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng giám định.

Vật chứng vụ án: cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa đã tạm giữ:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 34.400.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 9A màu xanh, số Imei 1: 869060053990929; Imei 2: 869060053990937. Điện thoại đã qua sử dụng (đã niêm phong).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng đồng. Điện thoại đã qua sử dụng (đã niêm phong)

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 3 màu 869566042729236; Imei 2: 869566042729228. Điện thoại đã qua sử dụng (đã niêm phong).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 11 Promax 64GB màu trắng. 56 Imei 1: 352843111531247, Imei 2: 352843111511330. Điện thoại đã qua sử dụng (đã niêm phong).

- 02 bộ bài Tú lơ khơ màu xanh đã qua sử dụng.

- 01 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng loại 04 gigabyte (GB).

- 01 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng loại 04 gigabyte (GB).
- 01 Căn cước công dân số 001090024010 mang tên Nguyễn Văn T.
- 01 Căn cước công dân số 042093010217 mang tên Đinh Công L.

Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá theo quy định của pháp luật; 01 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng loại 04 gigabyte (GB); 01 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng loại 04 gigabyte (GB) được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T, Đinh Công L đã bồi thường số tiền 45.500.000 đồng cho Trần Xuân C và Nguyễn Minh T, gồm các khoản bồi thường: bồi thường 28.500.000 đồng là tiền điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh, số tiền 17.000.000 đồng là số tiền chiếm đoạt của C 10.000.000 đồng và của T 7.000.000 đồng; Cao Xuân Đ Nguyễn Văn T, Đinh Công L tự nguyện bồi thường thêm cho C số tiền 3.000.000 đồng. Trần Xuân C yêu cầu Thái Xuân C bồi thường dân sự số tiền 5.000.000 đồng, Thái Xuân C đã bồi thường đủ. Cao Xuân Đ, Nguyễn Văn T, Đinh Công L, Thái Xuân C đã tự nguyện bồi thường thêm cho Nguyễn Minh T số tiền 4.000.000 đồng. Ngoài ra các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKSMH ngày 03/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố bị cáo Đinh Công L về các tội “Cưỡng đoạt tài sản”, “Cướp tài sản” và “Đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170, khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T, Thái Xuân C về các tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170, khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; Cao Xuân Đ, về các tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Đinh Công L phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự, “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn T, Thái Xuân C phạm các tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự; bị cáo Cao Xuân Đ phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ

luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s của khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s của khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của ba tội đối với bị cáo L.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo T.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo C từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo C từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo C.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, r, t khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và Điều 100 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo C từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, r, t khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và Điều 100 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo C và T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo không có ý kiến gì quyết định truy tố VKSND huyện Minh Hóa và bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho bị cáo T: đề nghị cho bị cáo T hình phạt Cảnh cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- bị cáo L: bị cáo đã biết lỗi của mình mong Hội đồng xét xử xem xét cho mức hình phạt thấp nhất để bị cáo được ở nhà với gia đình.

- bị cáo T: bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử xem xét cho mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, chăm sóc mẹ già, con nhỏ.

- bị cáo C: mong Hội đồng xét xử xem xét cho mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

- bị cáo Đ: mong Hội đồng xét xử xem xét cho mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về địa phương để nuôi con nhỏ.

- bị cáo C: mong Hội đồng xét xử xem xét cho xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- bị cáo T: mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một cơ hội để sửa sai.

- bị cáo Đ: mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Minh Hóa, Viện kiểm sát huyện Minh Hóa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: vào khoảng 18 giờ ngày 15/11/2022 tại nhà Đinh Thị Đ, ở thôn B, xã T, huyện M, Đ đã cho các bị cáo Đinh Công L, Cao Xuân Đ, Trần Xuân C và Nguyễn Minh T sử dụng phòng ngủ của gia đình để đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” thắng thua bằng ngân hàng nhà nước Việt Nam, số tiền sử dụng đánh bạc là 16.700.000 đồng. Sau đó, Đinh Công L, Nguyễn Văn T, Thái Xuân C và Cao Xuân Đ đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản trong các ngày 15,16/11/2022 với tổng tài sản có giá trị là: 65.392.000 đồng; Nguyễn Văn T, Đinh Công L, Thái Xuân C có hành vi Cướp tài sản 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 13 Promax 128 Gigabyte, có giá trị: 28.500.000 đồng.

Tại Điều 170 Bộ luật hình sự quy định:

" 1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

"

Tại Điều 168 BLHS quy định:

" 1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm".

Tại Điều 321 BLHS quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành

vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...”

Như vậy hành vi của bị cáo Đinh Công L phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự, “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn T, Thái Xuân C phạm các tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự; bị cáo Cao Xuân Đ phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận Đinh Công L phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự, “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn T, Thái Xuân C phạm các tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự; bị cáo Cao Xuân Đ phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa truy tố bị cáo Đinh Công L phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự, “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn T, Thái Xuân C phạm các tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự; bị cáo Cao Xuân Đ phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh

Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. là đúng người, đúng tội.

[3]. Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1]. Với tội “cướp tài sản” và “cưỡng đoạt tài sản”: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân.

[3.2]. Với tội “đánh bạc”: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước.

Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1]. Nhân thân: bị cáo T, C, C, T, Đ có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Đ có 01 tiền sự. Bị cáo L có 01 tiền án.

[4.2]. Tình tiết tăng nặng: bị cáo Đ xúi giục bị cáo C và T phạm tội “đánh bạc” nên cần áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ. Bị cáo L chưa được xóa án tích mà phạm tội do cố ý nên cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự cho bị cáo L.

[4.3]. Tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo Đinh Công L, Nguyễn Văn T, Thái Xuân C, Cao Xuân Đ, Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Gia đình các bị cáo Đinh Công L, Nguyễn Văn T, Thái Xuân C, Cao Xuân Đ tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b của khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T, Thái Xuân C, Cao Xuân Đ, Trần Xuân C, Nguyễn Minh T tích cực hợp tác với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa trong quá trình giải quyết vụ án nên cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đinh Thị Đ có bố là người có công với cách mạng được tặng

thường Huân chương kháng chiến nên cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo C, T tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình nên cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Cần nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo L, T, C, Đ ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Xét thấy các bị cáo Đinh Công L, Nguyễn Văn T, Thái Văn C, Cao Xuân Đ có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, trước khi phạm tội là người chưa thành niên nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ giao các bị cáo về Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tại phiên tòa. Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo C.

Đối với bị cáo Đ, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo giao bị cáo về Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa.

[6]. Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài Tú lơ khơ màu xanh đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Nguyễn Danh Nam, Cao Xuân Đàn và Đinh Thị Điều và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Đối với số tiền 34.400.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho Trần Xuân C số tiền 25.000.000 đ, trả lại cho Nguyễn Minh T số tiền 5.000.000 đ.

Số tiền còn lại 4.400.000 đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, trong đó 3.400.000đ là tiền bị cáo Đ đánh bạc và thu lợi bất chính, 1.000.000 đ là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Đ, áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm

a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. (đã chuyển vào tài khoản 394901054786 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa mở tại Kho bạc nhà nước huyện Minh Hóa – kèm theo 01 giấy ủy nhiệm chi ngày 11/7/2023).

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Trần Xuân C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng đồng. Điện thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Cao Thanh Sơn, Đinh Xuân Hiếu, Trần Thị Quyên và Trần Xuân Cường và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; trả lại cho Nguyễn Minh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 11 Promax 64GB màu trắng. 56 Imei 1: 352843111531247, Imei 2: 352843111511330. Điện thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Cao Thanh Sơn, Huỳnh Thanh Ngoan và Đinh Công Lĩnh và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; trả lại cho Nguyễn Văn T: 01 Căn cước công dân số 001090024010 mang tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/3/1990. Nơi thường trú: Gò Mái, Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội. Cấp ngày 03/5/2018, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; trả lại cho Đinh Công L: 01 Căn cước công dân số 042093010217 mang tên Đinh Công L, sinh ngày 26/9/1993. Nơi thường trú: thôn 1, xã Sơn Lĩnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Cấp ngày 08/01/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 9A màu xanh, số Imei 1: 869060053990929; Imei 2: 869060053990937, điện thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Cao Thanh Sơn, Đinh Xuân Hiếu và Thái Văn C và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 3 màu 869566042729236; Imei 2: 869566042729228. Điện thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Cao Ngọc Hà, Cao Kế Trung, Trần Thị Dương và Cao Xuân Đ và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Đối với: 02 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng loại 04 gigabyte (GB). Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ của vụ án không phải là vật chứng cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[6.1]. Đối với số tiền 3.000.000 đ Trần Xuân C dùng để đánh bạc, số tiền 7.000.000 đ Nguyễn Minh T dùng để đánh bạc, số tiền 4.000.000 đ Đinh Công L

dùng để đánh bạc, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, cần truy thu nộp sung vào ngân sách nhà nước.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: không có ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử chấp nhận về mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

[10]. Trong vụ án còn có Nguyễn Văn L sinh năm 1985, Trương Thị Kim T, sinh năm 1999 mua chiếc điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh từ Đinh Công Lĩnh. Tuy nhiên, L và T không biết điện thoại trên do L và T phạm tội mà có nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Đinh Công L phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản”, “Cướp tài sản” và “Đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn T, Thái Xuân C phạm các tội “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Cao Xuân Đ phạm các tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Đánh bạc”; các bị cáo Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, các điểm b, s của khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Công L 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s của khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Công L 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của ba tội buộc bị cáo Đinh Công L phải chấp hành hình phạt chung là 57 (năm mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, các điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, các điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thái Xuân C 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thái Xuân C 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Thái Xuân C phải chấp hành hình phạt chung là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, các điểm b, s, t của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Cao Xuân Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Cao Xuân Đ 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 30 tháng tù với hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 14/2023/HS-ST ngày 14/6/2023 của TAND huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo Cao Xuân Đ phải chấp hành hình phạt chung là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s, r, t khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và Điều 100 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Xuân C cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Xuân C.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s, r, t khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và Điều 100 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật thi hành án hình sự 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s của khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Thị Đ từ 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách (mười hai) tháng, kể từ ngày 02/8/2023.

Giao bị cáo Đinh Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài Tú lơ khơ màu xanh đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Nguyễn Danh Nam, Cao Xuân Đàn và Đinh Thị Đ và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho Trần Xuân C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng đồng. Điện

thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Cao Thanh Sơn, Đinh Xuân Hiểu, Trần Thị Quyên và Trần Xuân C và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; trả lại cho Nguyễn Minh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 11 Promax 64GB màu trắng. 56 Imei 1: 352843111531247, Imei 2: 352843111511330. Điện thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Cao Thanh Sơn, Huỳnh Thanh Ngoan và Đinh Công L và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; trả lại cho Nguyễn Văn T: 01 Căn cước công dân số 001090024010 mang tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/3/1990. Nơi thường trú: Gò Mái, Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội. Cấp ngày 03/5/2018, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; trả lại cho Đinh Công L: 01 Căn cước công dân số 042093010217 mang tên Đinh Công L, sinh ngày 26/9/1993. Nơi thường trú: thôn 1, xã Sơn Lĩnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Cấp ngày 08/01/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 9A màu xanh, số Imei 1: 869060053990929; Imei 2: 869060053990937, điện thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Nguyễn Xuân Đàn, Cao Thanh Sơn, Đinh Xuân Hiểu và Thái Văn C và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 3 màu 869566042729236; Imei 2: 869566042729228. Điện thoại đã qua sử dụng. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín các mép có các chữ ký, ghi họ tên của: Cao Ngọc Hà, Cao Kế Trung, Trần Thị Dương và Cao Xuân Đ và 03 hình dấu của cơ quan CSĐT Công an huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Số vật chứng trên đã được chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận hồ sơ vật chứng ngày 11/7/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho Trần Xuân C số tiền 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng), trả lại cho Nguyễn Minh T số tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng).

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 4.400.000 đ (bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

(đã chuyển vào tài khoản 394901054786 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa mở tại Kho bạc nhà nước huyện Minh Hóa – kèm theo 01 giấy ủy nhiệm chi ngày 11/7/2023).

Lưu theo hồ sơ vụ án: 02 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng loại 04 gigabyte (GB).

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu đối với Đinh Công L số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Trần Mạnh C số tiền 3.000.000 đ (ba triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Nguyễn Minh T số tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Đinh Công L, Nguyễn Văn T, Thái Xuân C, Cao Xuân Đ, Trần Xuân C, Nguyễn Minh T, Đinh Thị Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại, bà B, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/8/2023).

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nghĩa vụ thi hành án: kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình
- CQCSĐT Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

